**ĐÁP ÁN ĐỊA 11 TN HKII 1819**

Câu 1 : (3đ)

**a/ Vị trí địa lí và lãnh thổ(1đ)**

- Đất nước có diện tích rộng lớn (thứ 4 thế giới), nằm trong khu vực Trung – Đông Á.

- Giới hạn lãnh thổ:

+ Kéo dài từ 200 B đến 530 B, 730 Đ đến 1350 Đ.

+ Tiếp giáp 14 quốc gia. Bờ biển kéo dài từ bắc → nam (dài 9000km), mở rộng ra Thái Bình Dương.

- Có 22 tỉnh, 5 khu tự trị, 4 thành phố trực thuộc Trung Ương.

**b/so sánh** (2đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đk tự nhiên | MIỀN ĐÔNG | MIÊN TÂY |
| Địa hình | Đồng bằng ven biển, đồi thấp phía tây. | Núi cao, cao nguyên, bồn địa. |
| Khí hậu | - Phía Bắc ôn đới gió mùa.  - Phía Nam cận nhiệt đới gió mùa. | Ôn đới lục địa khắc nghiệt , khí hậu núi cao. |
| Sông ngòi | Hạ lưu sông lớn (Trường Giang, Hoàng Hà) → có giá trị về kinh tế song cũng nhiều thiên tai. | Đầu nguồn của các con sông lớn chảy về phía Đông.  Sông nhỏ, dòng chảy tạm thời. |
| ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế - xh | **- Thuận lợi:**     + Phát triển nông nghiệp. cây ôn đới và cận đới    + Công nghiệp khai khoáng.     + Giao thông, xây dựng cơ sở hạ tầng, thu hút dân cư phát triển kinh tế - xã hội.  + Phát triển giao thông vận tải biển.  **- Khó khăn:** lũ lụt.. | **- Thuận lợi:**     + Phát triển Lâm nghiệp     + Đồng cỏ phát triển chăn nuôi.     + Phát triển Thủy điện.     + CN khai khoáng.  **- Khó khăn:**     + Khô hạn, khắc nghiệt. hoang mạc hóa.  + Đất cằn cỗi, địa hình hiểm trở.  + Phát triển giao thông vận tải lên miền Tây khó khăn… |

Câu 2: (2đ)

**\* Dân cư**

- Đông dân nhất thế giới: 1/5 dân số thế giới, với trên 50 dân tộc.

- Đô thị hoá: 37% dân thành thị (2005), các thành phố lớn tập trung chủ yếu ở phía đông.

- Phân bố: rất không đều, chủ yếu ở phía đông, thưa thớt ở phía tây.

- Dân số trẻ

- có xu hướng ổn định dân số nhờ thực hiện chính sách dân số rất triệt để: mỗi gia đình chỉ có 1 con.

**\* khó khăn:**

- Càng về sau tốc độ đô thị hoá càng cao.

→ Khó khăn: giải quyết lao động với tư tưởng trọng nam khinh nữ => tác động tới cơ cấu giới tính....

Câu 3 :(3đ)

**\* Khái quát**

* Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới :Trung bình đạt trên 8%.
* Cơ cấu kinh tế thay đổi rõ rệt: Tỉ trọng nông lâm, ngư nghiệp giảm, tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng.
* Là một nước xuất siêu thứ 3 thế giới : Giá trị xuất khẩu 266 tỉ đô la, nhập khẩu 243 tỉ đô la.
* Tổng sản phẩm trong nước (GDP) cao: Thứ 7 thế giới. Thu nhập bình quân tăng: Tăng, năm 2004: 1269 USD.

**\* Đường lối phát triển CN:**

- Thay đổi cơ chế quản lý: Các nhà máy được chủ động lập kế hoạch sản xuất và tìm thị trường tiêu thụ.

- Thực hiện chính sách mở cửa, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

- Hiện đại hoá trang thiết bị sản xuất công nghiệp, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ.

- Xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp hợp lí.

**\*Chính sách phát triển nông nghiệp:**

- Giao quyền sử dụng đất và khoán sản phẩm cho nông dân.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn: đường giao thông, hệ thống thuỷ lợi.

- Áp dụng KHKT vào sản xuất nông nghiệp, sử dụng giống mới, máy móc thiết bị hiện đại.

- Nhà nước giảm thuế, tăng giá nông sản, tổ chức dịch vụ nông nghiệp…

Câu 4 : vẽ đúng 2đ

* Không số liệu trừ 0,25 đ
* Không tên biểu đồ trừ 0,5đ
* Không chú giải trừ 0,5 đ
* Ghi nhiều tên biểu đồ trừ 0,25đ
* Sai tỉ lệ trừ 0,25 đ cho mỗi vòng tròn